

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PLEIKU  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 37/2022/DSST**

**Ngày 16/5/2022.**

**“V/v Tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản”**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU - TỈNH GIA LAI**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Kiên.

2. Bà Doãn Thị Lệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Nhó – Thư ký Tòa án nhân dân phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 346/2021/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

**1/ Nguyên đơn:** Bà Trương Thị N.

Địa chỉ: 306 Trường Sơn, tổ 10, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

**2/ Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh H.

Địa chỉ: 192/53A Trường Sơn, tổ 10, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2021, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị N trình bày:**

Bà Trương Thị N với bà Nguyễn Thị Thanh H là hàng xóm gần nhà, bà H khi có việc cần lại vay tiền của bà N, vay rất nhiều lần cụ thể: Ngày 22/6/2020 vay 60.000.000 đồng, ngày 30/6/2020 vay 50.000.000 đồng, ngày 14/7/2020 vay

50.000.000 đồng, ngày 4/9/2020 vay 40.000.000 đồng , ngày 25/9/2020 vay 20.000.000 đồng. Tổng cộng bà H vay bà N 220.000.000 đồng. Đến ngày 16/3/2021 bà H trả được 50.000.000 đồng và chốt nợ gốc là 170.000.000 đồng, nợ lãi từ 16/3/2020 đến ngày 20/8/2020 là 11.000.000 đồng. Tổng nợ gốc và nợ lãi là 181.000.000 đồng. Nhưng hai bên thỏa thuận lấy tròn số là 180.000.000 đồng.

Những lần vay tiền bà H không viết riêng mà lấy tờ Giấy mượn tiền lần đầu tiên là ngày 22/6/2020 ghi thêm vào còn chốt nợ bà H ghi mặt sau tờ Giấy mượn tiền. Bà H hẹn 30 ngày sau tính từ ngày 20/8/2021 sẽ trả nợ. Đến hạn bà H không trả nợ, mặc dù sau đó bà N đã đòi rất nhiều lần nhưng bà H chỉ hứa nhưng không trả và hiện nay thì bà H lẩn trốn luôn luôn khóa cửa chỉ thỉnh thoảng về nhà.

Khi khởi kiện bà N yêu cầu bà H phải trả số nợ gốc là 180.000.000 đồng và nợ lãi 10%/năm, thời gian tính lãi từ tháng 9/2021 số tiền 4.482.000 đồng. Tại phiên học tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bà N đã rút yêu cầu tính lãi từ tháng 9/2021 số tiền 4.482.000 đồng và tại phiên tòa bà N yêu cầu H phải trả số nợ gốc là 170.000.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 16/3/2021 đến ngày 20/8/2021 (là số tiền lãi hai bên đã chốt nợ) và không yêu cầu trả lãi tháng 9/2021 đến nay.

**\* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H:** Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho bà H đúng theo trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà H không đến Tòa làm việc và cũng không đến tham gia phiên tòa nên không có lời khai tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai:

Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ để chứng minh, vì vậy yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở, đúng pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí, nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Tòa án sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bà Trương Thị N có đơn yêu cầu tòa án giải quyết Tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị Thanh H là bị đơn có địa chỉ: 192/53A Trường Sơn, tổ 10, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn là bà N yêu cầu bà H phải trả tổng số tiền nợ gốc và lãi là 180.000.000 đồng. Xét thấy hợp đồng dân sự vay tài sản có kỳ hạn, có lãi giữa bà N và bà H được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm pháp luật về hình thức và nội dung nên có giá trị và được pháp luật bảo vệ

Bà N đã cung cấp 01 chứng cứ là “Giấy mượn tiền” thể hiện ngày 22/6/2020 bà H còn nợ bà N gốc và lãi với tổng số tiền 180.000.000 đồng. Dưới mục “người mượn tiền” có chữ ký và chữ viết ghi “Nguyễn Thị Thanh H” và mặt sau của Giấy mượn tiền có chữ viết của bà N, bà H thể hiện những lần vay tiền, trả tiền, tính lãi và chốt nợ. Căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì xác định việc bà H còn nợ bà N số tiền 170.000.000 và 10.000.000 đồng nợ lãi là có thật.

[4] Về lãi suất: Hai bên đã chốt nợ lãi 11.000.000 đồng, thời gian tính từ ngày 16/3/2021 đến ngày 20/8/2021. Bà N yêu cầu trả lãi 10.000.000 đồng. Yêu cầu tính lãi của bà N không vượt mức lãi suất theo qui định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[5] Mặt khác từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng theo trình tự giải quyết vụ án dân sự của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà H không đến Tòa để trình bày ý kiến, điều này thể hiện bà H đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Nên xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ, được chấp nhận.

[6] Về lãi suất từ tháng 9/2021 đến ngày xét xử bà N không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận nên bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà N được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: Điều 274; Điều 275; Điều 280; Điều 357; Điều 398; Điều 463; Điều 465; Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 ; Điều 91; Điều 92; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**\* Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N.

**Về số nợ:** Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H phải trả cho bà Trương Thị N số tiền nợ gốc là 170.000.000 đồng và tiền nợ lãi từ ngày 16/3/2021 đến ngày 20/8/2021 là

10.000.000 đồng. Vậy bà Nguyễn Thị Thanh H phải trả cho bà Trương Thị N tổng số tiền gốc và lãi từ ngày 16/3/2021 đến ngày 20/8/2021 số tiền là 180.000.000 đồng.

**Về lãi suất:** Từ ngày 21/8/2021 đến ngày xét xử bà N không yêu cầu nên không xem xét.

**Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 9.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trương Thị N không phải chịu án phí nên trả lại cho bà Trương Thị N số tiền 4.612.050 đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001198 ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, Điều 7a và Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án N dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban N dân nơi cư trú./.

**Nơi nhận:**

-TAND tỉnh Gia Lai;

-VKSND TP.Pleiku;

-Các đương sự.

-Chi cục THADS TP. Pleiku;

-Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

Trần Thị Hồng

**TÒA CÁC HỘI THẨM N DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN**